TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **152**/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04-6-2025
V/v tranh chấp ly hôn
và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông N1 Ngọc Trường

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Chinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 517/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 337/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trương Trọng N1, sinh năm 1979; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ,, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trương Trọng N2, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: Khóm 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Ông Trương Trọng H; địa chỉ cư trú: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

3. Ông Trương Nhật Đ, sinh năm 2000; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Quê E, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

5. Ông Đặng Văn G, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trương Trọng N1 tự nguyện chung sống với nhau năm 1999 có đăng ký kết hôn ngày 25/9/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, thường xảy ra cự cãi giận dỗi, xô xát, không tôn trọng và nhường nhịn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, gay gắt không thể hàn gắn được. Nay bà nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn với ông N1.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Nhật Đ, sinh ngày 01/01/2000 hiện đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Là căn nhà cất trên phần đất do bà đứng tên Giấy chứng nhận, 01 ti vi hiệu Sony, 01 thùng loa kẹo kéo, 03 tủ áo bằng nhôm, 01 tủ phê bằng nhôm, 01 máy giặt hiệu Panasonic, 01 tủ lạnh hiệu Samsung, 01 vỏ composite hiệu Kiên Giang, 01 chiếc xe hiệu Exciter, 01 chiếc xe hiệu Wave RX. Bà yêu cầu được nhận hiện vật là 03 tủ áo bằng nhôm, 01 tủ phê bằng nhôm, 01 máy giặt, 01 chiếc xuồng, 01 chiếc xe hiệu Wave RX, còn các vật dụng khác bà yêu cầu được nhận giá trị. Bộ salon gỗ là tài sản của con trai Trương Nhật Đ đưa tiền mua nên không đồng ý chia. Đối với căn nhà, bà không đồng ý giá theo kết quả định giá, không đồng ý trả ông N1 ½ giá trị mà chỉ đồng ý trả số tiền ông N1 đã đóng góp. Ông N1 hiện nay chỉ quản lý chiếc xe hiệu Exciter, các tài sản khác đều do bà quản lý. Tại phiên tòa bà chỉ yêu cầu chia tài sản là căn nhà, chiếc xuồng và 02 chiếc xe, các tài sản khác bà và ông N1 đã thỏa thuận được nên không yêu cầu giải quyết, đối với salon thì bà không đồng ý chia.

Ngoài ra ông Trương Trọng H có nợ bà và ông N1 4.800.000 đồng thì bà không yêu cầu, sẽ tự thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- Về nợ chung: Có nợ ông Trương Trọng N2 02 chỉ vàng 24K.

Bà có tham gia 02 chân hụi do ông Đặng Văn G làm chủ hụi, mở ngày tháng năm nào thì bà không nhớ rõ nhưng đều đã hốt hết. 01 chân hốt ngày 07/3/2024 âm lịch được 27.160.000 đồng, dây hụi này có tổng số 31 chân, loại 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui 01 lần. Sau khi hốt hụi thì bà có lấy thêm tiền của bà để trả cho bà Nguyễn Thị Quê E số tiền 30.000.000 đồng do bà mượn khi cất nhà năm 2022. Chân hụi còn lại đã hốt ngày 20/11/2024, tổng số 33 chân, khi hốt đã chết 21 chân, sống 11 chân, loại hụi 1.000.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 600.000 đồng thì số tiền hốt được là 29.200.000 đồng, trả tiền tôm giống, cua giống, đóng hụi chết lại và đưa con trai để sửa xe. Tiền hụi trước nay đều do mẹ con bà đóng do ông N1 bị bệnh nên không làm ra tiền, đóng bằng hình thức trực tiếp hoặc chuyển khoản.

Đối với yêu cầu của ông N1 về 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 18K, bà xác định có quản lý 01 chiếc nhẫn 1,9 chỉ vàng 18K là tài sản của ông N1 nhưng bà đã bán để điều trị bệnh cho ông N1 nên không đồng ý trả.

Bị đơn ông Trương Trọng N1 trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của bà V về việc ông và bà V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Nhật Đ, sinh ngày 01/01/2000 hiện đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Là căn nhà cất trên phần đất do bà V đứng tên Giấy chứng nhận, 01 salon gỗ, 01 ti vi hiệu Sony, 01 thùng loa kẹo kéo, 03 tủ áo bằng nhôm, 01 tủ phê bằng nhôm, 01 máy giặt hiệu Panasonic, 01 tủ lạnh hiệu Samsung, 01 vỏ composite hiệu Kiên Giang, 01 chiếc xe hiệu Exciter, 01 chiếc xe hiệu Wave RX. Ông yêu cầu chia đôi tài sản chung.

Tại phiên tòa ông chỉ yêu cầu chia tài sản là căn nhà, chiếc xuồng, salon và 02 chiếc xe, các tài sản khác ông và bà V đã thỏa thuận được nên không yêu cầu giải quyết.

Về phần ông H nợ ông và bà V 4.800.000 đồng thì ông không yêu cầu, sẽ tự thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Ông xác định có số tiền 27.800.000 đồng do tham gia hụi của ông Đặng Văn G đã cho bà Nguyễn Thị Quê E mượn ngay ngày chung hụi, ông yêu cầu bà E trả lại để chia cho ông được nhận 13.900.000 đồng, ngoài ra còn 01 chân hụi do ông Đặng Văn G làm chủ hụi hiện nay còn sống, ông yêu cầu chia đôi giá trị của chân hụi cho ông được hưởng 11.000.000 đồng, ông đồng ý đóng hụi chết. Bà V còn giữ của ông 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 18K nên yêu cầu bà V trả lại cho ông.

- Về nợ chung: Có nợ ông Trương Trọng N2 02 chỉ vàng 24K.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Nhật Đ có yêu cầu độc lập, yêu cầu được phân chia 160.000.000 đồng trong tổng giá trị tài sản chung của bà V, ông N1 do ông có đóng góp 150.000.000 đồng để cất nhà và 10.000.000 đồng để mua bộ salon gỗ.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Trọng N2 trình bày: Ông N1 và bà V có nợ ông 02 chỉ vàng 24K nhưng do đã thống nhất được phương án trả nên ông không yêu cầu giải quyết trong vụ án, trường hợp có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Quê E trình bày: Trước đây bà V có đứng ra mượn của bà 30.000.000 đồng, đã trả cách đây khoảng 10 tháng. Thời điểm mượn thì bà V, ông N1 đã cất nhà xong, do thiếu tiền nên bà V mượn tiền để xoay sở, bà V xác định do ông N1 bệnh không biết gì nên tự đứng ra mượn tiền. Ngoài sự việc trên thì bà với ông N1, bà V không có qua lại tiền bạc gì nữa.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/02/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn G trình bày: Bà V, ông N1 có tham gia 02 dây hụi do ông làm chủ. Dây hụi thứ nhất mở ngày 26/11/2022 âm lịch, loại 1.000.000 đồng, tổng số 31 chân, mỗi tháng khui 01 lần, bà V, ông N1 tham gia 01 chân đã hốt vào lần khui thứ 17 ngày 26/02/2024 âm lịch được số tiền 27.160.000 đồng. Dây hụi thứ hai mở ngày 10/02/2023 âm lịch, loại 1.000.000 đồng, tổng số 33 chân, mỗi tháng khui 01 lần, bà V, ông N1 tham gia 01 chân đã hốt vào lần khui thứ 21 ngày 10/11/2024 âm lịch được số tiền 29.200.000 đồng. Đối với nghĩa vụ đóng hụi chết thì đến nay bà V vẫn đóng đầy đủ nên ông không có yêu cầu trong vụ án, trường hợp có tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Trọng H đúng theo quy định pháp luật nhưng ông H không có văn bản thể hiện ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 43, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị V và ông Trương Trọng N1. Về tài sản chung: Giao cho bà V quản lý 01 căn nhà, 01 vỏ composite Kiên Giang, 01 xe mô tô hiệu Wave RX, 01 salon gỗ. Giao cho ông N1 được hưởng 01 xe mô tô hiệu Exciter 150. Buộc bà V có nghĩa vụ trả cho ông N1 ½ giá trị tài sản chung là 222.911.500 đồng. Buộc bà V giao lại cho ông N1 ½ số tiền hốt hụi là 14.600.000 đồng. Về tài sản riêng: Buộc bà V trả cho ông N1 1,9 chỉ vàng 18K. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Nhật Đ về việc chia tài sản chung là 160.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của bà V về việc yêu cầu ông N1 trả số tiền 25.300.000 đồng. Án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trương Trọng N2, ông Trương Nhật Đ, bà Nguyễn Thị Quê E, ông Đặng Văn G có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Trương Trọng H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

Tại phiên tòa, bà V, ông N1 rút một phần yêu cầu đối với các tài sản gồm 01 ti vi hiệu Sony, 01 thùng loa kẹo kéo, 03 tủ áo bằng nhôm, 01 tủ phê bằng nhôm, 01 máy giặt hiệu Panasonic, 01 tủ lạnh hiệu Samsung nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà V, ông N1 về nội dung này, đương sự được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật: Bà V khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông N1 có yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung khi ly hôn, ông Đ có yêu cầu độc lập về việc yêu cầu về việc chia tài sản chung do có sự đóng góp vào khối tài sản chung của cha mẹ nên tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V và ông Trương Trọng N1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999 có đăng ký kết hôn ngày 25/9/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông N1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà V yêu cầu được ly hôn với ông N1 do mâu thuẫn vợ chồng gay gắt đến mức không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục. Tại phiên tòa ông N1 xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải hàn gắn nên đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà V và ông N1 đã trầm trọng, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà V và ông N1.

[4] Về con chung: Bà V và ông N1 có 01 con chung tên Trương Nhật Đ sinh ngày 01/01/2000, hiện đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung:

[5.1] Bà V, ông N1 thống nhất tài sản chung gồm 01 căn nhà cất trên phần đất do bà V đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 ti vi hiệu Sony, 01 thùng loa kẹo kéo, 03 tủ áo bằng nhôm, 01 tủ phê bằng nhôm, 01 máy giặt hiệu Panasonic, 01 tủ lạnh hiệu Samsung, 01 vỏ Composite hiệu Kiên Giang, 01 xe mô tô hiệu Exciter, 01 xe mô tô hiệu Wave RX. Đối với 01 bộ salon gỗ ông N1 xác định là tài sản chung tuy nhiên bà V xác định là tài sản riêng của con trai là Trương Nhật Đ do ông Đ đưa tiền mua.

[5.2] Quá trình giải quyết vụ án, bà V, ông N1 thống nhất được giá của các tài sản sau: 01 ti vi hiệu Sony 8.000.000 đồng, 01 thùng loa kẹo kéo 5.000.000 đồng, 03 tủ áo bằng nhôm 3.000.000 đồng, 01 tủ phê bằng nhôm 1.000.000 đồng, 01 máy giặt hiệu Panasonic 2.000.000 đồng, 01 tủ lạnh hiệu Samsung 5.000.000 đồng, 01 salon gỗ 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà V, ông N1 xác định đã thỏa thuận được nên rút yêu cầu giải quyết đối với 01 ti vi, 01 thùng loa, 03 tủ áo, 01 tủ phê, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh, chỉ yêu cầu giải quyết đối với 01 căn nhà, 01 vỏ Composite, salon và 02 xe mô tô.

Tại các biên bản định giá tài sản xác định 01 vỏ Composite Kiên Giang giá 1.600.000 đồng, 01 xe mô tô Exciter giá 10.000.000 đồng, 01 xe mô tô Wave RX giá 6.500.000 đồng. Đối với căn nhà, tại biên bản định giá tài sản ngày 24/12/2024 xác định giá trị căn nhà là 417.769.000 đồng, tuy nhiên do vào thời điểm định giá bà V là người đang quản lý căn nhà nhưng không có mặt để

mở cửa, Hội đồng định giá không thể vào nhà nên chỉ định giá dựa vào đặc điểm bên ngoài. Sau đó bà V có đơn yêu cầu định giá lại. Tại biên bản định giá tài sản ngày 15/4/2025, Hội đồng định giá đã căn cứ vào hiện trạng căn nhà tại thời điểm định giá từ đó xác định giá trị căn nhà là 437.723.000 đồng. Xét thấy việc định giá đã được thực hiện đúng quy định pháp luật. Bà V không đồng ý kết quả định giá căn nhà nhưng không đưa ra được lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, từ đó xác định giá trị căn nhà là 437.723.000 đồng làm cơ sở giải quyết vụ án.

[5.3] Xét thấy căn nhà, vỏ Composite, salon và 02 xe mô tô là các tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của bà V, ông N1 nên xác định là tài sản chung, do đó phân chia cho mỗi người được nhận ½ tài sản. Tổng giá trị tài sản là: 437.723.000 đồng + 1.600.000 đồng + 10.000.000 đồng + 10.000.000 đồng + 6.500.000 đồng = 465.823.000 đồng. Bà V, ông N1 mỗi người được chia ½ tài sản chung tương ứng 232.911.500 đồng. Hiện nay các tài sản chung gồm căn nhà, vỏ Composite, salon, xe mô tô hiệu Wave RX do bà V quản lý nên Hội đồng xét xử phân chia cho bà V được hưởng các tài sản trên, chia cho ông N1 được hưởng 01 xe mô tô hiệu Exciter, buộc bà V hoàn trả cho ông N1 giá trị chênh lệch là 222.911.500 đồng.

[5.4] Đối với yêu cầu của ông N1 về 02 chân hụi, Hội đồng xét xử thấy rằng bà V, ông N1 có tham gia 02 dây hụi do ông Đặng Văn G làm chủ. Dây hụi thứ nhất mở ngày 26/11/2022 âm lịch, loại 1.000.000 đồng, tổng số 31 chân, mỗi tháng khui 01 lần, bà V, ông N1 tham gia 01 chân đã hốt vào lần khui thứ 17 ngày 26/02/2024 âm lịch được số tiền 27.160.000 đồng. Thời gian hốt của chân hụi này bà V, ông N1 vẫn còn chung sống hạnh phúc, chưa phát sinh mâu thuẫn, ông N1 xác định số tiền này cho bà E mượn nhưng không có tài liệu chứng minh, bà E và bà V không thừa nhận nội dung này nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông N1.

Dây hụi thứ hai mở ngày 10/02/2023 âm lịch, loại 1.000.000 đồng, tổng số 33 chân, mỗi tháng khui 01 lần, bà V, ông N1 tham gia 01 chân đã hốt vào lần khui thứ 21 ngày 10/11/2024 âm lịch được số tiền 29.200.000 đồng. Thời điểm hốt chân hụi này bà V đã khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, bà V tự kêu hốt hụi và nhận tiền hụi mà không có ý kiến của ông N1. Xét thấy chân hụi này được bà V, ông N1 tham gia trong thời kỳ hôn nhân, mục đích phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của gia đình nên là tài sản chung của vợ chồng, do đó số tiền hốt hụi phải chia đều cho ông N1, bà V. Do bà V đang quản lý số tiền hụi đã hốt nên cần buộc bà V có nghĩa vụ trả lại ½ số tiền là 14.600.000 đồng.

[6] Về nợ chung: Bà V, ông N1 xác định có nợ ông Trương Trọng N2 02 chỉ vàng 24K và nghĩa vụ đóng hụi chết cho ông Đặng Văn G. Tuy nhiên ông N2, ông G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, trường hợp sau này phát sinh tranh chấp thì các đương sự có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] Đối với yêu cầu của ông N1 về 01 chiếc nhẫn 05 chỉ vàng 18K, bà V xác định có quản lý 01 chiếc nhẫn 1,9 chỉ vàng 18K là tài sản của ông N1 nhưng

bà đã bán để điều trị bệnh cho ông N1. Về trọng lượng của chiếc nhẫn ông N1 không có tài liệu chứng minh nhưng bà V thừa nhận trọng lượng của chiếc nhẫn là 1,9 chỉ vàng 18K. Việc bà V bán tài sản của ông N1 nhưng không có sự đồng ý của ông N1 không có tài liệu chứng minh, do đó cần buộc bà V có nghĩa vụ trả lại cho ông N1 1,9 chỉ vàng 18K.

[8] Về yêu cầu độc lập của ông Trương Nhật Đ xét thấy quá trình giải quyết và tại phiên tòa chỉ có bà V thống nhất yêu cầu của ông Đ còn ông N1 không thống nhất. Ông Đ, bà V xác định ông Đ có đóng góp vào việc cất nhà, mua salon nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[9] Tại Tờ tường trình ngày 14/3/2025, bà V trình bày có thanh toán chi phí điều trị bệnh cho ông N1 tổng số tiền 25.300.000 đồng, yêu cầu ông N1 trả để đối trừ, Tòa án đã ban hành Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí số 04/2025/TB-TA ngày 27/3/2025 yêu cầu bà V nộp tạm ứng án phí 633.000 đồng nhưng bà V không thực hiện, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[10] Về án phí và chi phí tố tụng:

- Bà V và ông N1, mỗi người phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 75.000 (bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Bà V và ông N1, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tài sản được hưởng là: (232.911.500 đồng + 14.600.000 đồng) x 5% = 12.375.575 đồng.

Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số vàng phải trả cho ông N1 là: 1,9 chỉ x 8.440.000 đồng x 5% = 801.800 đồng (giá vàng 18K tại thời điểm xét xử là 8.440.000 đồng/chỉ).

- Về chi phí tố tụng: Gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 2.900.000 đồng. Do tài sản được chia đôi nên bà V, ông N1 mỗi người phải chịu chi phí tố tụng là 1.450.000 đồng. Ông N1 đã dự nộp 1.500.000 đồng, bà V đã dự nộp 1.400.000 đồng nên buộc bà V trả lại cho ông N1 50.000 đồng.

[11] Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 217, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 43, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị V và ông Trương Trọng N1.

2. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của ông Trương Trọng N1, bà Nguyễn Thị V về việc chia tài sản chung. Bà Nguyễn Thị V được hưởng các tài sản chung gồm 01 căn nhà tọa lạc ấp Tân Điền A, xã Tạ An Khương, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, 01 vỏ Composite hiệu Kiên Giang, 01 salon gỗ, 01 xe mô tô hiệu Wave RX. Đặc điểm căn nhà: nhà trước lót gạch men, cột kèo bê tông cốt thép, tường xây gạch ống 10cm, mái lợp tôn lạnh diện tích 98,64m^2, trần nhựa la phông diện tích 94,5m^2; nhà sau nền lót gạch men, cột kèo bê tông cốt thép, vách xây gạch ống 10cm một bên và một bên vách tôn lạnh, mái lợp tôn lạnh diện tích 53,91m^2.

Ông Trương Trọng N1 được hưởng tài sản chung là 01 xe mô tô hiệu Exciter 150.

Buộc bà Nguyễn Thị V hoàn trả cho ông Trương Trọng N1 237.511.500 (hai trăm ba mươi bảy triệu năm trăm mười một nghìn năm trăm) đồng và 1,9 (một phẩy chín) chỉ vàng 18K.

(Giá vàng 18K tại thời điểm xét xử là 8.440.000 đồng/chỉ).

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của bà V, ông N1 đối với các tài sản gồm 01 ti vi hiệu Sony, 01 thùng loa kẹo kéo, 03 tủ áo bằng nhôm, 01 tủ phê bằng nhôm, 01 máy giặt hiệu Panasonic, 01 tủ lạnh hiệu Samsung. Đương sự được quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

4. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Nhật Đ về việc chia tài sản chung là 160.000.000 đồng.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị V hoàn trả cho ông Trương Trọng N1 50.000 (năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi phát sinh tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 75.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 13.177.375 đồng, tổng cộng là 13.252.375 đồng. Bà V đã dự nộp tạm ứng án phí 735.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002088 ngày 06/11/2024 và số 0002245 ngày 29/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Bà V còn phải nộp tiếp 12.517.375 (mười hai triệu năm trăm mười bảy nghìn ba trăm bảy mươi lăm) đồng.

Ông Trương Trọng N1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 75.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 12.375.575 đồng, tổng cộng là 12.450.575 đồng.

Ông N1 đã dự nộp tạm ứng án phí 6.903.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002253 ngày 02/12/2024 và số 0002402 ngày 24/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Ông N1 còn phải nộp tiếp 5.547.575 (năm triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi lăm) đồng.

Ông Trương Nhật Đ phải án phí dân sự sơ thẩm 8.000.000 đồng. Ông Đ đã dự nộp tạm ứng án phí 4.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002318 ngày 11/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau được chuyển thu. Ông Đ còn phải nộp tiếp 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Tân Đức, huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý